

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQD ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAMME):	CỬ NHÂN KINH TẾ HỌC (BACHELOR OF ECONOMICS)
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION):	ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)
NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR):	KINH TẾ (ECONOMICS)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE):	7310101
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION):	CHÍNH QUY (FULL - TIME)
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO (LANGUAGE):	TIẾNG VIỆT (VIETNAMESE)
THỜI GIAN ĐÀO TẠO (DURATION TIME):	4 NĂM (4 YEARS)

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kinh tế học nhằm đào tạo cử nhân Kinh tế học có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng và kiến thức nền tảng về quản lý và quản trị kinh doanh; có các kiến thức chuyên sâu về kinh tế và cập nhật với tình hình kinh tế xã hội trong nước và quốc tế, có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng và khả năng làm việc độc lập; có các kỹ năng và công cụ phân tích kinh tế chuyên sâu, hiện đại và có đủ năng lực nghiên cứu, phân tích các chính sách kinh tế và quyết định kinh doanh ở nhiều cấp độ khác nhau; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc; có kỹ năng tin học, tiếng anh giao tiếp và chuyên môn thành thạo.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chuyên sâu kinh tế học nhằm đào tạo cử nhân Kinh tế học có:

- (G1) Kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, những nguyên lý cơ bản và công cụ trong phân tích kinh tế và kinh doanh, có hiểu biết về hệ thống pháp luật Việt Nam, an ninh quốc phòng.
- (G2) Kiến thức chuyên sâu về các lý thuyết, mô hình kinh tế và kinh doanh, có khả năng vận dụng các kiến thức này vào việc phân tích và đánh giá các chính sách, các quyết định kinh tế và kinh doanh trong thực tiễn.
- (G3) Kỹ năng sử dụng thành thạo các công cụ định lượng, các phần mềm chuyên dụng nhằm hỗ trợ công việc phân tích kinh tế và kinh doanh; có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và tin học hiệu quả trong công việc.
- (G4) Kỹ năng làm việc độc lập, theo nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong công việc; có tác phong chuyên nghiệp, tuân thủ kỷ luật lao động, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm trong công việc.
- (G5) Năng lực tự học, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

1.3. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Kinh tế chuyên sâu kinh tế học có thể làm việc tại: (1) Các cơ quan, tổ chức tư vấn, hoạch định và thực thi các chính sách về kinh tế của Đảng, Chính phủ, các Bộ chuyên ngành, các tỉnh, thành phố; (2) Các viện nghiên cứu kinh tế-xã hội, các trường đại học khối kinh tế; (3) Các công ty nghiên cứu, tư vấn kinh tế độc lập; (4) Các ngân hàng, công ty tài chính, chứng khoán, quỹ đầu tư; (5) Các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ, các dự án liên quan đến các vấn đề kinh tế - xã hội; (6) Bộ phận kinh doanh của các doanh nghiệp.

1.4. Trình độ ngoại ngữ và tin học

Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo qui định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. CHUẨN ĐẦU RA

CDR	Chuẩn đầu ra	Mã CDR
Chuẩn đầu ra về kiến thức	Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM, Lịch sử Đảng CSVN và các kiến thức về pháp luật Việt Nam vào giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội thực tiễn.	CĐR1
	Vận dụng các kiến thức toán kinh tế, xác suất thống kê, kinh tế lượng, tin học, các nguyên lý cơ bản của kinh tế thị trường, tài chính, tiền tệ và kế toán vào giải quyết các vấn đề kinh tế.	CĐR2
	Vận dụng các kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất.	CĐR3

CDR	Chuẩn đầu ra	Mã CDR
	Vận dụng những kiến thức căn bản về kinh tế quốc tế, đầu tư, kinh tế phát triển, kinh tế môi trường, kinh tế lao động vào phân tích các hoạt động kinh tế của các doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế.	CDR4
	Phân tích được tác động của bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế đến hành vi của các chủ thể trong nền kinh tế.	CDR5
	Phân tích được thực tiễn tình hình kinh tế - xã hội, chính sách, quyết định của Chính phủ, các doanh nghiệp và chủ thể kinh tế khác trên cơ sở nắm vững các lý thuyết và các mô hình kinh tế học chuyên sâu.	CDR6
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	Có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ từ cơ bản đến chuyên sâu trong phân tích kinh tế và kinh doanh, có kỹ năng tổ chức thực hiện nghiên cứu, tổng hợp phân tích các vấn đề kinh tế-xã hội, chính sách.	CDR7
	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề thực tiễn.	CDR8
CDR Ngoại ngữ	Đạt đầu ra Ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong công việc.	CDR9
CDR Tin học	Đạt chuẩn đầu ra Tin học tương đương IC3/ICDL theo thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Thông tin và Truyền thông, thông tư liên tịch giữa Bộ GD&ĐT và Bộ TTTT (TT7/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016) và theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và khả năng xử lý số liệu thông qua các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công việc chuyên môn.	CDR10
Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Có khả năng phản biện các vấn đề kinh tế-xã hội.	CDR11
	Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần hợp tác.	CDR12

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 127 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Thời gian đào tạo 04 năm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

7.1. Cấu trúc kiến thức

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	44	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	85	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	05 HP phần chung của nhóm ngành
2.2. Kiến thức ngành	39	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	27	
2.2.2. Các học phần tự chọn	12	SV tự chọn 12 tín chỉ (4 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	21	SV tự chọn 21 tín chỉ (7 học phần)
2.4. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	127	Không kể GDQP-AN và GDTC

7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi học kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế Chuyên sâu Kinh tế học)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. Kiến thức giáo dục đại cương			44		
	1.1. Các học phần chung			20		
1	1	Triết học Mác - Lênin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	
6	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8- 11		
	1.2. Các học phần của Trường			12		
7	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
10	4	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
	1.3. Các học phần của ngành			12		
11	1	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	TOKT1145	3	II	TOCB1110
12	2	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	II	KHMI1101
13	3	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	IV	KHMI1101 KHMA1101

STT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế Chuyên sâu Kinh tế học)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
14	4	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics for Economics and Business	TKKD1129	3	VI	KHMI1101 KHMA1101
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				85		
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				15		
15	1	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3	II	KHMI1101 KHMA1101
16	2	Kinh tế đầu tư Investment Economics	DTKT1154	3	III	KHMI1101 KHMA1101
17	3	Kinh tế phát triển Development Economics	PTKT1128	3	III	KHMI1101 KHMA1101
18	4	Kinh tế và quản lý môi trường Environmental Economics and Management	MTKT1104	3	IV	KHMI1101 KHMA1101
19	5	Kinh tế lao động Labor Economics	NLKT1115	3	V	KHMI1101 KHMA1101
2.2. Kiến thức ngành				39		
2.2.1. Các học phần bắt buộc				27		
20	1	Kinh tế vi mô 2 Microeconomics 2	KHMI1102	3	III	KHMI1101 KHMA1101
21	2	Kinh tế vĩ mô 2 Macroeconomics 2	KHMA1102	3	III	KHMI1101 KHMA1101
22	3	Kinh tế Việt Nam Vietnamese Economy	KHEH1104	3	IV	KHMI1101 KHMA1101
23	4	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT1101	3	IV	TOKT1145
24	5	Kinh tế đô thị Urban Economics	MTDT1115	3	V	KHMI1101 KHMA1101
25	6	Kinh tế học tài chính Financial Economics	KHMA1125	3	V	KHMI1101 KHMI1102 KHMA1101 KHMA1102 TOKT1101
26	7	Lý thuyết trò chơi và ứng dụng trong kinh tế - kinh doanh Game Theory and its applications in Business – Economics	TOKT1151	3	VI	KHMI1101 KHMI1102 KHMA1101 KHMA1102
27	8	Xã hội học Sociology	NLXH1106	3	V	TOKT1101 TOCB1110
28	9	Đề án chuyên sâu Kinh tế học Essay on Economics	KHMA1124	3	VII	KHMI1109 KHMA1112 KHMA1114
2.2.2. Các học phần tự chọn (SV tự chọn 04 HP trong tổ hợp)				12		
29 30	1	Kinh tế học tiền tệ Monetary Economics	KHMA1132	3	V/ VI	KHMI1102 KHMA1102 TOKT1101

STT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế Chuyên sâu Kinh tế học)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
31	2	Dân số và phát triển Population and Development	NLDS1103	3	V/ VI	KHMI1101 KHMA1101
	32	3	Kinh tế lượng 2 Econometrics 2	TOKT1128	3	V/ VI
4		Kinh tế vĩ mô quốc tế International Macroeconomics	KHMA1129	3	V/ VI	KHMI1102 KHMA1102 TOKT1101
5	Kinh tế học tăng trưởng Growth Economics	KHMA1122	3	V/ VI	KHMI1102 KHMA1102 TOKT1101	
6	Kinh tế học các vấn đề xã hội Economics of Social Problems	KHMA1123	3	V/ VI	KHMI1102 KHMA1102 TOKT1101	
7	Kinh tế Trung Quốc Chinese Economy	KHEH1106	3	V/ VI	KHMI1101 KHMA1101	
8	Kinh tế lao động nâng cao Advanced Labor Economics	NLKT1116	3	V/ VI	NLKT1115	
9	Hội nhập kinh tế quốc tế International Economic Integration	TMQT1107	3	V/ VI	KHMI1102 KHMA1102	
10	Kinh tế học biến đổi khí hậu Economics of Climate Change	MTKH1103	3	V/ VI	KHMI1102 KHMA1102	
	11	Phân tích dữ liệu Data Analysis	TKKT1124	3	V/ VI	TKKD1129 TOKT1101
2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 07 học phần trong tổ hợp)				21		
33	1	Kinh tế vi mô nâng cao Advanced Microeconomics	KHMI1116	3	VI/ VII	KHMI1102, KHMA1102
	2	Phân tích năng suất và hiệu quả Productivity and Efficiency Analysis	KHMI1118	3	VI/ VII	KHMI1102, KHMA1102
34	3	Kinh tế vĩ mô cho các nước đang phát triển Macroeconomics for Developing Countries	KHMA1127	3	VI/ VII	KHMI1102, KHMA1102
35	4	Kinh tế vĩ mô nâng cao Advanced Macroeconomics	KHMA1128	3	VI/ VII	KHMI1102, KHMA1102
36	5	Phân tích định lượng trong kinh tế vi mô Quantitative Analysis in Microeconomics	KHMI1117	3	VI/ VII	TOKT1128
37	6	Phân tích định lượng trong kinh tế vĩ mô Quantitative Analysis in Macroeconomics	KHMA1131	3	VI/ VII	TOKT1128
38	7	Kinh tế học thuế khóa Economics of Taxation	KHMA1126	3	VI/ VII	KHMI1102 KHMA1102 TOKT1128
39	8	Phân tích đầu tư trong thị trường tài chính Investment Analysis in Financial Markets	KHMI1112	3	VI/ VII	KHMI1102 KHMA1102

STT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế Chuyên sâu Kinh tế học)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	9	Kinh tế học chi tiêu Chính phủ Economics of Government Spending	KHMA1120	3	VI/ VII	KHMI1102 KHMA1102
	10	Kinh tế học hành vi Behavioural Economics	KHMI1115	3	VI/ VII	KHMI1102 KHMA1102
	11	Lập trình kinh tế vĩ mô Macroeconomic Programming	KHMA1130	3	VI/ VII	KHMA1114
40	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>		KHMA1133	10	VII	
	Tổng số tín chỉ			127		

8. Hướng dẫn thực hiện

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.
- Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.
- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.
- Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.
- Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.
- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Hồ Đình Bảo

PGS.TS Phạm Hồng Chương